

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2018/DS-PT
Ngày: 25- 01 - 2018
V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự về mua bán tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thu

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Nhậm

Ông Trần Văn Quán

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 389/2017/TLPT-DS ngày 26 tháng 12 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 32/2017/DS-ST ngày 09 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 370/2017/QĐ-PT ngày 29 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Tống Thị T, sinh năm 1967,

Địa chỉ: 454, ấp N, xã N, thành phố T, tỉnh Long An.

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm: 1965,

2. Bà Lê Thị T1, sinh năm 1969,

Cùng địa chỉ: 340, ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Long An.

- Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn B và bà Lê Thị T1 - bị đơn.
(Các đương sự có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18 tháng 8 năm 2017 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Tống Thị T trình bày:

Từ tháng 07/2012 đến tháng 12/2014 bà có bán thức ăn chăn nuôi cho ông Nguyễn Văn B và bà Lê Thị T1. Ông B và bà T1 nợ bà tổng số tiền là 88.915.000 đồng. Ông B và bà T1 đồng ý trả tiền lãi trên số tiền này, lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 16/03/2014 đến ngày 16/12/2014 (09 tháng), tổng cộng tiền vốn và lãi mà ông B và bà T1 nợ bà là 96.295.000 đồng. Đến ngày 03/4/2015 ông B và bà T1 trả cho bà 49.770.000 đồng (trả bằng 18 con heo con). Vậy ông B và bà T1 còn nợ bà số tiền là 46.525.000 đồng.

Từ tháng 03/2017 đến tháng 05/2017 bà tiếp tục bán thức ăn chăn nuôi cho ông B và bà T1 với số tiền là 29.019.000 đồng. Ông B và bà T1 vẫn chưa thanh toán cho bà.

Nay bà yêu cầu ông Nguyễn Văn B và bà Lê Thị T1 phải liên đới trả cho bà các khoản cụ thể như sau:

- Đối với khoản nợ 46.525.000 đồng yêu cầu tính lãi 1% từ tháng 09/2014 đến tháng 08/2017 là 32 tháng: $46.525.000 \times 1\% \times 32 \text{ tháng} = 14.880.000$ đồng (đã làm tròn). Tổng cộng tiền vốn và lãi là: 61.405.000 đồng.

- Đối với khoản nợ 29.019.000 đồng bà không yêu cầu tính lãi.

Vậy ông B và bà T1 phải liên đới trả cho bà số nợ tổng cộng là 90.424.000 đồng.

Bị đơn, ông Nguyễn Văn B và bà Lê Thị T1 thống nhất trình bày:

Ông và bà có mua thức ăn chăn nuôi của bà T và còn nợ bà T số tiền nợ còn lại của năm 2014 là 46.525.000 đồng và 29.019.000 đồng vào năm 2017, tổng cộng là 75.544.000 đồng. Bà T1 có ký tên tại sổ nợ ngày 03/4/2015 đồng ý nợ bà T 46.525.000 đồng, do bà T yêu cầu bà T1 ký tên (bao gồm cả tiền vốn và lãi nhưng cụ thể mỗi khoản bao nhiêu bà T1 không nhớ).

Nay bà T yêu cầu như trên ông, bà chỉ đồng ý trả số tiền nợ của năm 2014 là 46.525.000 đồng và 29.019.000 đồng vào năm 2017, tổng cộng là 75.544.000 đồng, không đồng ý trả tiền lãi 14.880.000 đồng (tính trên số tiền 46.525.000đ) vì khi bà T xuống bắt heo con trừ nợ, bà T không bàn với ông, bà về việc tính lãi suất. Tuy nhiên do làm ăn thất bại, kinh tế gặp khó khăn nên ông, bà xin được trả đến tháng 06/2020 hoàn tất số nợ trên.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 32/2017/DS-ST ngày 09 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39, 147, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 428, 432, 438 và khoản 2 Điều 305 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Phép lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Tống Thị T về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản” với ông Nguyễn Văn B, bà Lê Thị T1.

Buộc ông Nguyễn Văn B và bà Lê Thị T1 phải liên đới trả cho bà Tống Thị T số tiền tổng cộng là 87.582.000đ (Tám mươi bảy triệu năm trăm tám mươi hai nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của đương sự theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

Ngày 22 tháng 11 năm 2017, ông Nguyễn Văn B và bà Lê Thị T1 kháng cáo không đồng ý trả lãi và xin trả dần.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các bị đơn không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Bị đơn, ông Nguyễn Văn B và bà Lê Thị T1 thống nhất trình bày:

Ông bà thừa nhận còn nợ bà T số tiền mua thức ăn chăn nuôi của năm 2014 là 46.525.000 đồng và 29.019.000 đồng vào năm 2017, tổng cộng là 75.544.000 đồng. Ông bà không đồng ý trả tiền lãi vì khi bà T xuống bắt heo con trừ nợ, bà T không bàn với ông, bà về việc tính lãi suất. Do làm ăn thất bại, kinh tế gặp khó khăn nên ông, bà xin được trả dần số nợ trên.

Nguyên đơn bà Tống Thị T trình bày:

Bà không đồng ý việc trả dần vì ông B và bà T1 có khả năng trả nợ. Việc tính lãi đã được hai bên thỏa thuận và có ký tên vào sổ nợ.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đơn kháng cáo các của các bị đơn được làm trong thời hạn luật quy định và hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm. Về lãi suất, hai bên đã thống nhất chốt nợ nhưng bên ông B và bà T1 chậm trả nên phải chịu lãi suất theo quy định của pháp luật. Ông B và bà T1 xin trả dần nhưng bà T không đồng ý. Do đó, kháng cáo của ông B và bà T1 không có căn cứ chấp nhận, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến và quan điểm của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án, xét thấy:

[1] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn B và bà Lê Thị T1:

Bà T ông B và bà T1 trình bày thống nhất, ông B và bà T1 có mua thức ăn chăn nuôi của bà T và còn nợ bà T như sau: Từ tháng 07/2012 đến tháng 12/2014 nợ 96.295.000 đồng. Đến ngày 03/4/2015 ông B và bà T1 trả cho bà T 49.770.000 đồng (trả bằng 18 con heo con). Nên ông B và bà T1 còn nợ bà T số tiền là 46.525.000 đồng; từ tháng 03/2017 đến tháng 05/2017 bà T tiếp tục bán thức ăn chăn nuôi cho ông B và bà T1 với số tiền là 29.019.000 đồng.

Đối với khoản nợ 46.525.000 đồng, bà T yêu cầu tính lãi 1% từ tháng 12/2014 đến tháng 08/2017 là 14.880.000 đồng (đã làm tròn). Tiền vốn mua bán thức ăn chăn nuôi lần thứ hai (từ tháng 03/2017 đến tháng 05/2017) là 29.019.000 đồng, bà T không yêu cầu tính lãi.

Áp dụng Điều 438, khoản 2 Điều 305 Bộ luật Dân sự 2005 về nghĩa vụ trả tiền và trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi theo suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định. Theo quyết định số 2868/QĐ-NHNN, ngày 29/11/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam thì lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố là 9%/năm, tương đương 0,75%/tháng.

Lãi được tính như sau:

Từ ngày 24/12/2014 đến ngày 09/11/2017: $46.525.000đ \times 0,75\% \times 34 \text{ tháng}$ 15 ngày = 12.038.000 đồng.

Ông B và bà T1 kháng cáo không đồng ý trả lãi là không có căn cứ chấp nhận. Ông B và bà T1 xin trả dần nhưng bà T không đồng ý nên không có căn cứ để chấp nhận. Phát biểu của Kiểm sát viên là có căn cứ.

Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông B và bà T1 phải liên đới trả tiền cho bà T tổng cộng là 87.582.000 đồng ($46.525.000đ + 12.038.000đ + 29.019.000đ$) là có căn cứ.

Tòa án cấp sơ thẩm tuyên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T nhưng không tuyên không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T yêu cầu ông B và bà T1 phải trả 2.842.000 đồng tiền lãi là thiếu sót, cần sửa án sơ thẩm.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Nguyễn Văn B và bà Lê Thị T1 phải liên đới chịu 4.379.000 đồng; bà Tổng Thị T phải chịu án phí 300.000 đồng là có căn cứ.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do sửa án sơ thẩm nhưng không liên quan đến kháng cáo nên ông B và bà T1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn B và bà Lê Thị T1;

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 32/2017/DS-ST ngày 09 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T;

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39, 147, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 428, 432, 438 và khoản 2 Điều 305 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Tống Thị T về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản” với ông Nguyễn Văn B, bà Lê Thị T1.

Buộc ông Nguyễn Văn B và bà Lê Thị T1 phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Tống Thị T số tiền tổng cộng là 87.582.000 đồng (Tám mươi bảy triệu năm trăm tám mươi hai nghìn đồng).

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Tống Thị T yêu cầu ông Nguyễn Văn B và bà Lê Thị T1 phải trả 2.842.000 đồng tiền lãi.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn Văn B và bà Lê Thị T1 phải liên đới chịu 4.379.000 đồng (Bốn triệu ba trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

Bà Tống Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 2.261.000 đồng (Hai triệu hai trăm sáu mươi một nghìn đồng) theo biên lai số 04830, ngày 03/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Hoàn trả cho bà T số tiền chênh lệch còn thừa là 1.961.000 đồng (Một triệu chín trăm sáu mươi một nghìn đồng).

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn B và bà Lê Thị T1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng. Chuyển số tiền đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 04933 ngày 22/11/2017; biên lai số 04967 ngày 21/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T sang thi hành án phí

5. Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thu